

VỀ NỀN SẴN XUẤT BỀN VÀ NG LÚA GỖ ĐỀ NG BỀN SÔNG CỎ U LONG

NGÔ TH PH NG LAN

Trong bối cảnh hiện nay, tuy có nhiều yếu tố tác động đến diện tích đất nông nghiệp nhưng diện tích và sản lượng lúa cần năm của Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long vẫn theo chiều hướng gia tăng. Do vậy, việc suy giảm diện tích đất nông nghiệp chính là tác động mạnh mẽ đến vấn đề an ninh lương thực. Tuy nhiên, trong tương lai Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, bên cạnh đó là đất đai còn nhiều bất ổn của nông dân trồng lúa. Đây là những yếu tố đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến việc sản xuất bền vững, vấn đề an ninh lương thực và sự phát triển chung của Việt Nam.

Khi nghiên cứu và truy cập thông tin sản xuất lúa gạo ở Việt Nam, các công trình đều chia sẻ quan điểm cho đây là một phần quan trọng của sinh quan trồng cây ăn nông ở Kinh Bắc Việt Nam, cũng đồng thời cũng là chủ đề của nghiên cứu này. Các công trình nghiên cứu về phần sinh học sinh học này chủ yếu chú trọng miêu tả hoạt động trồng lúa trong mối quan hệ với đặc điểm sinh thái của từng địa phương. Có thể, truy cập thông tin trồng lúa thông qua các xem như một phần quan trọng của sinh học quan trọng của các cộng dân sống trong các đơn vị cư trú làng xã (Gourou, 1936, bản dịch 2003; Nguyễn Văn Huyền, 1944; James Hendry, 1964; Gerald Cannon Hickey, 1964; Robert L. Sansom, 1970; Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diễm, 1990; Trần Xuân Kiêm, 1992). Do vậy, tác giả cũng đề xuất làng xã thông qua nghiên cứu là yếu tố văn hóa xã hội đặc

trọng của nền kinh tế lúa nước.

Hiện nay Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa gắn với kinh tế thị trường, phần lớn đến năm 2020 sẽ có bản là một nước công nghiệp và việc gia tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Thực trạng trồng cây ăn nước ta cho thấy là dù hiện nay nông nghiệp chiếm 22% trong GDP nhưng lao động trong ngành nông nghiệp hiện vẫn chiếm tới đáng kể với 47,4% (Tổng cục Thống kê, 2012, tr. 113). Bên cạnh đó, trong vấn đề đảm bảo an ninh lương thực thì nông nghiệp và nông dân vẫn là những vấn đề quan trọng. Theo số liệu của cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, số hộ nông thôn theo ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 62,5%, trong đó số hộ nông nghiệp là 57,79% (Tổng cục Thống kê, 2012, tr. 227)

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân

tích nh ng tỉ m năng c a truy n th ng s n xu t lúa g o nh m t đ ng l c cho s phát tri n c a Vi t Nam. Bên c nh đó, bài vi t cũng s nh n đi n nh ng thách th c hi n nay và trong t ng lai c a ngu n l c phát tri n này, qua vi c phân tích nh ng v n đ xung quanh khái ni m “s n xu t b n v ng”. Do Đ ng b ng sông C u Long là m t v a lúa quan tr ng c a c n c, n i s n xu t ra h n 50% l ng g o và 90% l ng g o xu t kh u c a c n c nên bài vi t t p trung vào truy n th ng s n xu t lúa g o c a vùng đ t này⁽¹⁾.

1. T NG QUAN V S N XU T LÚA G O V T NAM VÀ Đ NG B NG SÔNG C U LONG

Nông nghi p là ngành s n xu t v t ch t đ u tiên và quan tr ng c a xã h i loài ng i, t o ra “t li u tiêu dùng thi t y u nh t cho s t n t i và phát tri n c a con ng i” (Nguyễn Văn Bích, 2007, tr. 15). Nông nghi p bao g m c nông, lâm và ng nghi p. Vi t Nam nói chung và Đ ng b ng sông C u Long nói riêng đ c xem nh m t trong nh ng đi n hình c a vi c canh tác lúa n c thâm canh mà đ a trên đó nhi u đ c đi m văn hóa xã h i đ c tr ng đã đ c hình thành (Gerald Cannon Hickey, 1964). S n xu t lúa g o là ngành s n xu t truy n th ng và lâu đ i c a ng i Kinh. Cây lúa đ c gieo tr ng h u h t các vùng trong c n c. T i miền B c, do đi u ki n khí h u c n nhi t đ i nên lúa đ c tr ng vào hai v chính là Đông-Xuân và v Mùa; còn các tỉnh miền Nam, v i đi u ki n khí h u nhi t đ i gió mùa, lúa còn có th đ c tr ng thêm m t v n a là v Hè-Thu. Theo T ng c c Th ng kê (2012), đi n

tích tr ng lúa c n c trong năm 2011 c tính đ t 7,65 tri u ha v i s n l ng 42,3 tri u t n. Miền Nam có đi n tích tr ng lúa kho ng 5,14 tri u ha, trong đó, vùng Đ ng b ng sông C u Long có đi n tích tr ng lúa trên 4 tri u ha (h n 50% t ng đi n tích c n c) (T ng c c Th ng kê, 2012b, tr. 380-381). V i đi u ki n t nhiên thu n l i cho vi c s n xu t l ng th c nh v y, Vi t Nam đã đ t đ c nh ng thành t u l n trong s n xu t lúa g o và tr thành n c xu t kh u g o đ ng th hai trên th gi i. G o xu t kh u c a Vi t Nam ch y u t vùng Đ ng b ng sông C u Long (chi m t 80 đ n 90%) (Trung tâm Thông tin Nông nghi p Phát tri n Nông thôn thu c Vi n Chính sách và Chi n l c, 2009).

Nông dân vùng Đ ng b ng sông C u Long đã có m t truy n th ng s n xu t lúa g o t lâu đ i, tr c là theo h ng t cung t c p, sau theo h ng th tr ng, s n xu t ch y u đ trao đ i. Trong l ch s , ngay t ngày đ u m c ng Sài Gòn (22/2/1860), lúa g o và h t tiêu đã là hai m t hàng xu t kh u hàng đ u c a Nam Kỳ. Nh n bi t đ c giá tr c a cây lúa t i vùng đ t này, ng i Pháp đã quan tâm và tìm cách c i ti n vi c canh tác lúa ph c v cho xu t kh u. K t qu là đi n tích và năng su t lúa c a Nam Kỳ ngày càng tăng, vi c t ch c s n xu t lúa g o ngày càng quy mô và có h th ng. Trong giai đ o n 1860 - 1945, Vi t Nam đã là n c xu t kh u g o n i t ng khu v c và trên th gi i. Th tr ng xu t kh u g o giai đ o n này r t đa đ ng, bao g m các n c Pháp, Châu Âu, Châu M , Indonesia, Singapore, Philippines, Trung Hoa, Nh t B n... (Nguyễn

Phan Quang, 2008, tr. 18).

Năm 1989 đánh dấu sự trở lại của hoạt động Việt Nam trên thị trường nông thôn giồng. Từ mặt nước đối ăn, phải nhận diện trên thị trường, đến năm 2003, Việt Nam trở thành nước lớn thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo và vị trí này vẫn duy trì cho đến hiện nay. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khi đi ngang qua xuất khẩu của Việt Nam năm 2011 đạt khoảng 7,5 triệu tấn và kim ngạch hơn 3,7 tỷ USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Philippines, Malaysia và Indonesia (Trung tâm Tin tức và Thương mại, 2012).

Tuy nhiên, nền nông nghiệp sản xuất lúa gạo của Việt Nam đã phát triển một cách bền vững chưa? Đây, khái niệm “bền vững” được hiểu đó là việc sản xuất lúa gạo không gây ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của người sản xuất và khía cạnh kinh tế hộ gia đình và đảm bảo an ninh lương thực cho cộng đồng gia và quốc gia. Theo đó, bài viết sẽ phân tích đến sự phát triển của thị trường lúa gạo và vị trí của nó trong sản xuất nông nghiệp.

2. SẢN XUẤT LÚA GẠO VÀ VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC

2.1. An ninh lương thực nhìn từ góc độ diện tích đất trồng lúa

Sau một thời gian dài với những kỳ tích xuất khẩu, thị trường gạo đang bùng nổ sông Cửu Long hiện nay đang có những biến động “xu hướng”, đe dọa đến an ninh lương thực. Một thị trường quan trọng đang thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học và các nhà quản lý là sự suy giảm diện tích đất nông nghiệp, trong đó có đất trồng lúa. Việc suy giảm diện tích

này, nếu xét từ góc độ người sản xuất, thì có các nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan là tình trạng quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, xây nhà ở, mở đường... Từ nhiều năm nay, Việt Nam đã xác định con đường phát triển là đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, thúc đẩy trong Công nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và bổ sung phát triển trong Công nghiệp năm 2011. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp và khu dân cư là một tất yếu. Thúc đẩy, trong thời kỳ, sự phát triển công nghiệp này là một sự đổi mới mang tính phát triển dù là đã có quy hoạch thời gian của nhà nước và quy hoạch của địa phương. Nhưng sai lầm này là do chính việc quy hoạch và yêu cầu di chuyển của nhà đầu tư trong quá trình thời gian hiện. Việc xây dựng nhiều sân golf ở tỉnh Long An trong thời gian qua là một minh chứng. Bên cạnh đó, các khu công nghiệp và dân cư đô thị liên tiếp xuất hiện trong thời gian qua ở Đồng bằng sông Cửu Long như Khu công nghiệp An Nghiệp, Cái Côn (Sóc Trăng), Khánh An, Hòa Trung, khu đô thị mới ở Bình Định (Cà Mau), Khu công nghiệp Trà Kha (Bình Liêu), Khu công nghiệp Bình Long, Bình Hòa, Vàm Cống (An Giang), khu đô thị trung tâm thị trấn mới ở U Minh, khu dân cư huyện An Minh (Kiên Giang)... đều có quy hoạch trên những cách dùng chuyên canh lúa, đã làm thay đổi mặt đất diện tích của các vùng nông nghiệp.

Nguyên nhân chủ quan của việc giảm diện tích đất trồng lúa là do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diện tích đất trồng lúa giảm dần theo thời gian. Nguyên nhân khách quan là do biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Nguyên nhân chủ quan của việc giảm diện tích đất trồng lúa là do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diện tích đất trồng lúa giảm dần theo thời gian. Nguyên nhân khách quan là do biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Theo Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2011), tính đến 01/01/2011, diện tích có lúa 4,12 triệu ha đất trồng lúa, giảm gần 32 nghìn ha (-0,76%) so với năm 2006. Đông Nam Bộ giảm 18 nghìn ha (-21%); Đồng bằng sông Hồng giảm 38,3 nghìn ha (-5,8%); vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung giảm 10,7 nghìn ha (-1,5%). Có 3 vùng tăng diện tích: Trung du miền núi phía Bắc gần 36 nghìn ha (+7,2%); Tây Nguyên gần 7 nghìn ha (+4,6%); Đồng bằng sông Cửu Long gần 23 nghìn ha (+1,2%). Ngoài ra, trong biến đổi khí hậu có 85% tổng số diện tích đất trồng lúa có diện tích dưới 0,5ha, trong đó 50% chỉ số diện tích dưới 0,2ha phần ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng và tình trạng như vậy, thì vùng Đồng bằng sông Cửu Long thì số diện tích đất có quy mô lớn (từ 2ha trở lên) chỉ chiếm 87% trong diện tích (Tổng cục Thống kê, 2011, tr. 42, 46).

Như vậy, vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuy diện tích trồng lúa có giảm nhưng do quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhìn chung trên bình diện toàn vùng thì diện tích đất trồng lúa có

tăng lên chút ít và trong bình diện chung của các nước thì Việt Nam là nước có diện tích đất nông nghiệp bình quân khá cao nhất các nước. Bên cạnh đó, việc giảm diện tích trồng lúa của các bộ phận mặt số địa phương không đồng nghĩa với việc giảm sản lượng do tác động của khoa học kỹ thuật trong việc gia tăng năng suất. Hộ nông dân đầu tư đầu tư gieo trồng lúa mặt nước năng suất cao, tăng vụ, số diện tích phân bón và các loại thuốc bảo vệ thực vật... Năng suất lúa hiện nay của Việt Nam cao nhất khu vực Đông Nam Á, trung bình là 5,5 tấn/ha, trong khi Indonesia là 4,71 tấn/ha, Thái Lan 2,83 tấn/ha, Lào 2,91 tấn/ha... (Trung tâm Thông tin và Thống kê, 2013).

Việt Nam có biên giới dài và là một trong các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Dân cư của Việt Nam đang sống phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp nên số biến đổi khí hậu, đặc biệt là hiện tượng nước biển dâng sẽ có tác động nghiêm trọng đến việc đảm bảo an ninh lương thực của Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Việc xây dựng các dự án thủy điện lớn của Trung Quốc và Lào trên dòng sông Mê Kông cũng đang đặt ra các thách thức lớn cho nguồn nước sản xuất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. An ninh lương thực nhìn từ góc độ cuộc sống người sản xuất

Ngành sản xuất lúa gạo là hoạt động kinh tế chủ yếu và quan trọng của Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Gạo cùng với các mặt hàng nông sản khác như cà phê, tôm, cá basa góp phần đưa Việt Nam thành nước xuất khẩu hàng đầu trên thế giới

và đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Thế nhưng nông nghiệp nông dân trực tiếp sản xuất vẫn đang chịu nhiều bất lợi trong cuộc sống và các chính sách hiện nay vẫn đang loay hoay trong việc tìm các giải pháp để khắc phục.

Ngành sản xuất lúa gạo hiện nay đã có những bước tiến quan trọng về cơ giới hóa và áp dụng khoa học kỹ thuật. Trước năm 1960, nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ trồng các giống lúa mùa của địa phương với thời gian sinh trưởng kéo dài từ năm đến sáu tháng. Với cuộc cách mạng về giống và sự phát triển của hệ thống thủy lợi và đê bao chống lũ, nông dân Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đã có thể trồng được vụ lúa cao sản trong một năm: Đông-Xuân, Xuân-Hè, Hè-Thu, và Thu-Đông. Tùy theo thời tiết và địa hình của từng vùng đất, nông dân thường trồng từ hai đến ba vụ lúa một năm. Với Đông-Xuân và Hè-Thu là hai vụ lúa phổ biến nhất. Đa phần các khâu sản xuất đã được cơ giới hóa với sự xuất hiện các loại máy móc được cải tiến cho phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương. Ngoài ra, các loại thuốc diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật, và phân bón các loại cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất và chất lượng hạt lúa.

Thế nhưng sự phát triển về khoa học kỹ thuật trong sản xuất lại chưa đem đến một sự gia tăng mức sống thực sự cho người sản xuất lúa gạo hiện nay. Nếu tính từ mức người Việt đất chân và khai phá vùng đất thì nghề làm ruộng vẫn là của người Việt. Đồng bằng sông Cửu Long đã được hơn ba thế kỷ. Tuy có một bề dày lịch sử tích lũy kinh

nghiệm sản xuất nghề thu nhập từ nghề trồng lúa của nông dân vẫn còn rất thấp. Đời sống của người dân vùng đất này, nghề nghiệp trực tiếp làm nên thành tích của ngành nông nghiệp Việt Nam trên thế giới vẫn chưa được cải thiện rõ rệt. Báo cáo *Ai đói nhất khi giá gạo tăng cao* của Oxfam và Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn tại buổi công bố báo cáo (17/10/2013) tại Hà Nội cho thấy trong chuỗi giá trị của hạt gạo, người nông dân thu được lợi ích thấp hơn nhiều so với các đối tượng khác, dù họ là người trực tiếp làm ra sản phẩm và đã có rất nhiều chính sách hỗ trợ. Năm 2006, khi giá gạo ở mức thấp, người nông dân có thể thu được 70% tổng lợi nhuận từ sản xuất và kinh doanh lúa gạo, nhưng năm 2008, chỉ được 10%. Với diện tích đất lúa bình quân là 3,3 ha/hộ, vào năm 2011 thu nhập từ trồng lúa của hộ chỉ đạt 550.000 đồng/người/tháng (Oxfam, 2013).

Hiện nay mô hình cánh đồng mẫu lớn đang là một giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo, hình thành các vùng thâm canh lúa hiệu quả, bền vững theo hướng GAP, tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa hàng hóa xuất khẩu chất lượng cao. Mô hình này được xây dựng và vận hành dựa trên lợi ích được chia sẻ giữa các bên tham gia trong chuỗi sản xuất. Tại Nam Bộ, Công ty Bông và thực vật An Giang đang nổi lên như một điển hình của việc thực hiện mô hình này. Thế nhưng thu nhập của nông dân, thậm chí trong mô hình tiên tiến và hiệu quả này hiện vẫn chưa đạt được mức chính phủ đưa ra là phải đảm bảo cho

nông dân lãi từ 30%. Một nông dân sản xuất giỏi, có diện tích sản xuất là 6ha, từ trồng ngô từ sản xuất của cánh đồng mới lên từ một tập thể huyện Thọ Xuân, tỉnh An Giang cho biết chi tiêu và chi phí sản xuất và thu nhập của gia đình mình như sau:

“Chi phí hiện tại bây giờ là 1 hecta khoảng 15 triệu/1 vụ đó, giống rồi cấy xong, tính hết luôn. Một năm có 25-30 triệu/2 vụ. Tính thu 1ha được 5-6 tấn thì thu được 30 triệu thì nó lãi được 5 triệu trên 1ha. Nếu mình làm không kể một số nông dân là không đó, có người không có tiền trả cho thuê ngô nghiệp nữa, nhiều người là họ trả tiền, không có năm nào được, không được cái vụ này. Mà đây là anh tính một hecta đó nha, còn người ta nhiều khi chỉ có vài công. Anh đang tính theo cái chi phí sản xuất làm theo báo về tỉnh An Giang. Anh đang dùng cái của nó đó mà anh nói là chi phí đã giảm hơn so với làm bên ngoài rồi đó, cái chi phí tính luôn cấy xong, công cán này kia là anh nói khoảng 25 triệu/ha, còn cái doanh thu của mình là chỉ có 30 triệu thôi, tính giá lúa 6 đến 7 ngàn nó mới có lãi. Cái 6 tấn là tính năng suất trung bình cả năm. Năng suất cao nhất là 7,5 tấn, vụ đông xuân; thấp nhất là hè thu. Có 6ha, tính một vụ lãi cho 5 triệu/ha đi thì được 30 triệu nhưng là cho 4 tháng. 4 tháng, nhiều diện tích đất phải nhiều thì may ra mới có chút chút, một ha là chi phí của sản xuất không được rồi. 1ha tính ra 4 tháng, một tháng có triệu mà bao nhiêu người là chỉ biết. Chính phủ tính là 30% lãi nhuần, nhưng thực ra tính ra 10% được; chia đều ra 3 vụ được 10%, 15% là được đó, chia đều ra, và hè thu có khi

không có, vụ đông xuân có khi khá hơn” (Ng.V.Tr. 40 tuổi, người ở Việt, huyện Thọ Xuân, tỉnh An Giang).

Số biết đến với sản phẩm của nông dân trồng lúa thì hiện rõ qua các tranh chuyển dịch của kinh tế trong nông nghiệp. Đồng bằng sông Cửu Long thì gian vất vả qua với các phong trào như nuôi tôm, nuôi cá ba sa, trồng nhãn, trồng mía, trồng dưa... Do thu nhập từ lúa không tăng nên với công sức bỏ ra nên trong hai thập kỷ qua, người nông dân sản xuất chuyển đổi từ trồng lúa sang các loại cây trồng khác có giá trị cao hơn. Tuy nhiên, kết quả của việc chuyển dịch của kinh tế này lại là đi ngược lại “trồng chi phí”, “trúng mùa rồi giá” là đi ngược lại, đôi lúc khi người nông dân lâm vào cảnh bế tắc khi tìm cho mình một con đường làm giàu cho bản thân.

Bên cạnh việc chuyển dịch của kinh tế trồng, tính biết đến của sản phẩm nông dân còn thể hiện qua hiện tượng di cư lao động, đặc biệt là bộ phận lao động từ các khu đô thị công nghiệp. Đồng bằng sông Cửu Long là một trong ba vùng có số lượng người xuất cư nhiều nhất trong cả nước (Theo các Thống kê, 2009, tr. 31). Trong đó dòng xuất cư nông thôn - đô thị chiếm tỷ lệ chủ yếu. Dòng di cư giữa các vùng hiện nay là từ vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến vùng Đông Nam Bộ với hơn 714.000 người (Theo các Thống kê Việt Nam, 2009, tr. 34). Hiện tượng này dẫn đến tình trạng thiếu lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.

Trong bối cảnh nông thôn là nơi quan trọng sản xuất ra lương thực thực phẩm

thì việc đầu tư cho nông nghiệp, đầu tư để phát triển nông thôn, và đầu tư để cải thiện đời sống cho người nông dân là những công việc đầu tư cho việc đảm bảo an ninh lương thực hiện nay. Thực tế cho thấy trong vòng năm năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách chống hạn như chính sách hỗ trợ giá sản phẩm xuất khẩu, chính sách thu mua gạo... với mong muốn đầu tư để có lợi ích cho người trồng lúa tuy nhiên việc thực thi các chính sách này hiện vẫn chưa đem lại lợi ích như mong đợi cho người nông dân.

3. KẾT LUẬN

Từ Hội nghị sản xuất lúa đổi mới (năm 1961) và khi nói chuyện với đồng bào xã Đông Nghĩa (Hà Đông) năm 1965, Bác Hồ đã nói: “vì nước ta là một nước nông nghiệp, mặt việc đầu tư đưa vào nông nghiệp” cho nên “các cơ quan nhà nước phải quan tâm hơn nữa đến nông nghiệp, phát huy hơn nữa tác động của mình trong sản xuất nông nghiệp” (Nguyễn Xuân Thọ, 2004, tr. 5).

Như vậy, truyền thống sản xuất lúa gạo có một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam, thế hiện rõ nhất so sánh của một quốc gia có tự nhiên phù

hợp cho việc phát triển nông nghiệp trồng lúa. Do vậy, việc quy hoạch phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Việt Nam có “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đâu đi nữa thì cũng không thể tách rời nhiệm vụ công việc là đầu tư an ninh lương thực quốc gia. Đó chính là con đường phát triển bền vững cho nền nông nghiệp Việt Nam nói chung và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Như bài viết đã phân tích, yếu tố then chốt để đầu tư vào việc đảm bảo an ninh lương thực bền vững là phải đầu tư thu nhập cho người sản xuất của nông dân trồng lúa trên thực tế. Chuỗi liên kết giá trị của chuỗi ngành trình cánh đồng lúa đang phát huy tính hiệu quả của sự hợp tác cùng phát triển giữa các bên liên quan trong sản xuất lúa gạo. Tuy nhiên, để phát huy tiềm năng lúa gạo sản xuất lúa gạo, cần phải đầu tư nhiều hơn nữa để nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong quá trình hợp tác cùng phát triển này. Bên cạnh đó, Việt Nam còn cần phải chú ý đến các bước thích nghi với quá trình biến đổi khí hậu đã và sẽ tác động mạnh mẽ đến truyền thống sản xuất lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Dựa liệu của bài viết là từ các tài liệu thu thập được qua, các cuộc khảo sát và quan sát về nông dân sản xuất lúa gạo của tác giả từ năm 2006 đến nay tại các tỉnh Long An, Trà Vinh, Cà Mau, An Giang, để biết là từ cuộc khảo sát vào năm 2013 của đề tài *Nghiên cứu tình hình hợp tác đầu tư kinh tế nông nghiệp, xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phát triển bền vững khu vực Thới Sơn tỉnh An Giang*, đề tài trình độ cấp Địch học Quốc gia TPHCM năm 2012 - 2014 do GS.TS. Trần Ngọc Quang Hội và PGS.TS. Võ Văn Sen làm chủ nhiệm và cuộc khảo sát vào năm 2014 của đề tài cấp công trình Địch học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Địch học Quốc gia TPHCM: *Kinh tế hợp gia đình nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu trình độ hợp tác nông dân trồng lúa tỉnh An Giang* do tác giả làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2011. *Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt*

Nam. Hà Nội.

2. Gourou, Pierce. 2003. *Ngôi nhà nông dân châu thổ Bắc Kỳ (Nghiên cứu địa lý nhân văn)*, Bản dịch, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Văn Đông Bắc cũ. TPHCM: Nxb. Trẻ.
3. Hendry, B. James. 1964. *The Small World of Khanh Hau*, Aldine Publishing Company, Chicago.
4. Hickey, Gerald Cannon. 1964. *Village in Vietnam*. Yale University Press.
5. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diễm. 1990. *Văn hóa và cộng dân Đông ng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Phan Quang. 2008. *Thị trường lúa gạo Nam kỳ (1860-1945)*. Hà Nội: Nxb. Tổng hợp TPHCM, 2004.
7. Nguyễn Văn Bích. 2007. *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới, quá khứ và hiện tại*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Nguyễn Văn Huyền. 1944. *Văn Minh Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
9. Nguyễn Xuân Thọ. 2004. *Góp phần phát triển bền vững nông thôn Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
10. Sansom, L. Robert. 1970. *The Economics of Insurgency in the Mekong Delta of Vietnam*, The Massachusetts Institute of Technology.
11. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2009. *Niên giám thống kê 2009*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
12. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2011. *Kết quả thực hiện đề án nông nghiệp*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
13. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2012. *Kết quả thực hiện đề án nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
14. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2012b. *Niên giám thống kê 2012*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
15. Trần Xuân Kiêm. 1992. *Nghề nông Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
16. Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn). 2012. *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 4 tháng năm 2012 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn*.
17. [www.http://ipsard.gov.vn](http://ipsard.gov.vn): Trang mạng của Trung tâm Thông tin Nông nghiệp Phát triển Nông thôn thuộc Viện Chính sách và Chiến lược.
18. [www. http://politicsofpoverty.oxfamamerica.org](http://politicsofpoverty.oxfamamerica.org): trang mạng của tổ chức Oxfam.